



VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mail : xetnghiemmoitruong@tttdv.vn

Hotline: 088.645.5757

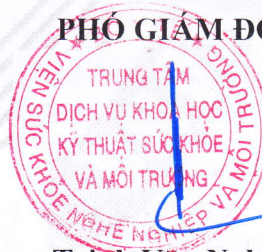
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số 589.1 /TTDVKHKTSK-MT

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> | Nước sạch lấy tại bể chứa chung |
| 2. Tên/địa chỉ khách hàng
<i>Name/Address of customer</i> | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang |
| 3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i> | Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy tại bể chứa chung- Tổ 17, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
Bảo quản thường, Thể tích 3L |
| 4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> | 04/05/2024 |
| 5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i> | Khách hàng |
| 6. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i> | Chi tiết theo phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm |

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Nghinh



VIMCERIS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050173

- Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch lấy tại bể chứa chung
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy tại bể chứa chung- Tổ 17, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
Bảo quản thường, Thể tích 3L
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	E.coli ^(*)	0	CFU/100mL	< 3	TCVN 6187 - 1: 2019
2	Coliform ^(*)	0	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187 - 1: 2019

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Tạ Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VILAS 679

ISO
9001:2015
CERTIFIED

VIMCERTS 058

391TN - TĐC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050173

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch lấy tại bể chứa chung
2. Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang,
Tỉnh Hà Giang
3. Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy tại bể chứa chung- Tổ 17, phường
Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
Bảo quản thường, Thể tích 3L
4. Ngày lấy mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
6. Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	Clo dư tự do(*)	0,65	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Đo nhanh - Hach DR300
2	Màu sắc(*)	<8,5	TCU	15	SMEWW 2120:2017
3	Mùi; vị	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ	SMEWW 2150:2017 & SMEWW 2160:2017
4	pH(*)	8,23	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011
5	Độ đục(*)	<0,80	NTU	2	Hach - 2100N Turbidimeter

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018
(-): Không có đơn vị.
Chỉ tiêu Clo dư được thực hiện đo bởi khách hàng

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.

Vo Chi Minh Anh

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Vo Chi Binh

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mail : xetnghiemmoitruong@tttdv.vn

Hotline: 088.645.5757

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số ...589.2.../TTDVKHKTSK-MT

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> | Nước sạch lấy giữa mạng lưới |
| 2. Tên/địa chỉ khách hàng
<i>Name/Address of customer</i> | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang |
| 3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i> | Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy giữa mạng lưới - Hộ gia đình: Hoàng Mạnh Thế (Đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)
Bảo quản thường, Thể tích 3L |
| 4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> | 04/05/2024 |
| 5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i> | Khách hàng |
| 6. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i> | Chi tiết theo phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm |

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Nghinh



VILAS 679

ISO
9001:2015
CERTIFIED

VINCERTS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050174

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch lấy giữa mạng lưới
2. Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
3. Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy giữa mạng lưới - Hộ gia đình: Hoàng Mạnh Thế (Đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)
Bảo quản thường, Thể tích 3L
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
6. Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	E.coli(*)	0	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187 - 1: 2019
2	Coliform(*)	0	CFU/100mL	< 3	TCVN 6187 - 1: 2019

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
***MICROBIOLOGY LAB.**

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024
KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Tạ Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VILAS 679

ISO
9001:2015
CERTIFIED

VMCERIS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050174

- Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch lấy giữa mạng lưới
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy giữa mạng lưới - Hộ gia đình: Hoàng Mạnh Thế (Đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)
Bảo quản thường, Thể tích 3L
- Ngày lấy mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	Clo dư tự do(*)	0,58	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Đo nhanh - Hach DR300
2	Màu sắc(*)	<8,5	TCU	15	SMEWW 2120:2017
3	Mùi; vị	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ	SMEWW 2150:2017 & SMEWW 2160:2017
4	pH(*)	8,07	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011
5	Độ đục(*)	<0,80	NTU	2	Hach - 2100N Turbidimeter

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018
(-): Không có đơn vị.
Chỉ tiêu Clo dư được thực hiện đo bởi khách hàng

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Võ Thị Minh Anh

Tạ Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận. Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mail : xetnghiemmoitruong@tttdv.vn

Hotline: 088.645.5757

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số589.3...../TTDVKHKTSK-MT

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> | Nước sạch lấy cuối mạng lưới |
| 2. Tên/địa chỉ khách hàng
<i>Name/Address of customer</i> | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang |
| 3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i> | Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy cuối mạng lưới - Hộ gia đình: Nguyễn Thị Thanh Hồng (Ngõ 20 đường Lê Hoàn, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)
Bảo quản thường, Thể tích 3L |
| 4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> | 04/05/2024 |
| 5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i> | Khách hàng |
| 6. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i> | Chi tiết theo phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm |

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Nghinh



VILAS 679

ISO
9001:2015
CERTIFIED

VIMCERTS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050175

- Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch lấy cuối mạng lưới
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy cuối mạng lưới - Hộ gia đình: Nguyễn Thị Thanh Hồng (Ngõ 20 đường Lê Hoàn, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)
Bảo quản thường, Thể tích 3L
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	E.coli(*)	0	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187 - 1: 2019
2	Coliform(*)	0	CFU/100mL	< 3	TCVN 6187 - 1: 2019

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lê Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VILAS 679

BỘ Y TẾ

MINISTRY OF HEALTH

VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH

Địa chỉ/Address: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: 024 3971 4341 (170)



ISO

9001:2015
CERTIFIED

VINCERTS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050175

- Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch lấy cuối mạng lưới
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch lấy cuối mạng lưới - Hộ gia đình: Nguyễn Thị Thanh Hồng (Ngõ 20 đường Lê Hoàn, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)
Bảo quản thường, Thể tích 3L
- Ngày lấy mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	Clo dư tự do(*)	0,55	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Đo nhanh - Hach DR300
2	Màu sắc(*)	<8,5	TCU	15	SMEWW 2120:2017
3	Mùi; vị	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ	SMEWW 2150:2017 & SMEWW 2160:2017
4	pH(*)	8,22	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011
5	Độ đục(*)	<0,80	NTU	2	Hach - 2100N Turbidimeter

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018
(-): Không có đơn vị.
Chỉ tiêu Clo dư được thực hiện đo bởi khách hàng

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
Võ Thị Minh Anh
Tạ Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mail : xetnghiemmoitruong@ttdv.vn

Hotline: 088.645.5757

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

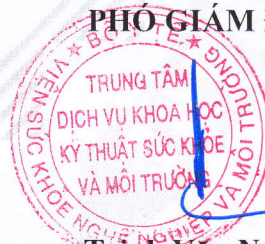
Số 589.4/TTDVKHKTSK-MT

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> | Nước sạch giếng khoan trạm số 4 |
| 2. Tên/địa chỉ khách hàng
<i>Name/Address of customer</i> | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang |
| 3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i> | Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch giếng khoan trạm số 4 - Vòi nước giếng khoan tại bể chứa chung bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang
Bảo quản thường, Thể tích 3L |
| 4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> | 04/05/2024 |
| 5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i> | Khách hàng |
| 6. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i> | Chi tiết theo phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm |

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Nghinh

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050176

1. Tên mẫu/Name of sample Nước sạch giếng khoan trạm số 4
2. Tên/địa chỉ khách hàng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Name/Address of customer số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
3. Mô tả mẫu/Description Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch giếng khoan trạm số 4 - Vòi nước giếng khoan tại bể chứa chung bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang
Bảo quản thường, Thể tích 3L
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving 04/05/2024
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler Khách hàng
6. Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	E.coli(*)	0	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187 - 1: 2019
2	Coliform(*)	0	CFU/100mL	< 3	TCVN 6187 - 1: 2019

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT


Nguyễn Thị Quỳnh Mai


Tạ Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

MTH24050176

- Tên mẫu/Name of sample: Nước sạch giếng khoan trạm số 4
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
số 34, đường An Cư, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang
Vị trí lấy mẫu: Nước sạch giếng khoan trạm số 4 - Vòi nước giếng khoan tại bể chứa chung bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang
Bảo quản thường, Thể tích 3L
- Ngày lấy mẫu/Date of receiving: 04/05/2024
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn cho phép** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1	Arsenic (As) ^(a)	<0,0058	mg/L	0,01	US EPA Method 6020A: 1998
2	Clo dư tự do ^(*)	0,61	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Đo nhanh - Hach DR300
3	Màu sắc ^(*)	<8,5	TCU	15	SMEWW 2120:2017
4	Mùi; vị	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ	SMEWW 2150:2017 & SMEWW 2160:2017
5	pH ^(*)	8,22	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011
6	Độ đục ^(*)	<0,80	NTU	2	Hach - 2100N Turbidimeter

Ghi chú/Note: **: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018
(-): Không có đơn vị.
Chỉ tiêu Clo dư được thực hiện đo bởi khách hàng

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.